TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/DS-ST
Ngày 28-9-2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lữ Khắc Hồi;

Bà Trần Thị Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiên Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Văn T, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Bà Sơn Thị D, sinh năm 1948 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 11 năm 2020 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Đoàn Văn T là nguyên đơn trình bày: Ông làm chủ đại lý phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tại Khóm 5, thị trấn C. Thời gian vào ngày 09 tháng 5 năm 2010 ông có bán thiếu cho bà Sơn Thị D đi cùng con gái tên N. Hợp đồng cuối vụ thu hoạch sẽ trả đủ nếu trễ phải tính lãi suất 5%/tháng, không quá 03 tháng. Bà Sơn Thị D phải có trách nhiệm thanh toán cho ông số tiền 6.320.000 đồng và tiền lãi. Đã nhiều lần ông đến đòi nhưng bà D viện nhiều lý do mà không trả. Có lần ông

buộc bà D viết cam kết nhưng bà D vẫn không trả.

Nay ông T yêu cầu bà Sơn Thị D trả cho ông số tiền gốc còn thiếu là 6.320.000 đồng và tiền lãi từ ngày 09 tháng 5 năm 2010 đến ngày xét xử theo lãi suất 3%/tháng.

Bà Sơn Thị D là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến trình bày tại biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Bà thừa nhận có mua phân, thuốc bảo vệ thực vật tại cửa hàng của ông T. Thời gian mua bà không nhớ nhưng khoảng 03 - 04 năm. Tổng số tiền mua khoảng 6.300.000 đồng. Do lúa bị nhiễm mặn, mất mùa, gia đình có người thân bị bệnh nên bà chưa trả số tiền này.

Nay bà thống nhất trả cho ông T số tiền 6.320.000 đồng nhưng không đồng ý trả tiền lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên việc hòa giải không tiến hành được do bà Sơn Thị D vắng mặt tại các phiên hòa giải nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày. Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ và không yêu cầu triệu tập thêm đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như ý kiến về nội dung vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên về thời hạn đưa vụ án ra xét xử còn chậm theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn T, buộc bà Sơn Thị D trả cho ông Đoàn Văn T số tiền 6.320.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, bị đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng mua bán". Bị đơn cư trú tại ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố

tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Bà Sơn Thị D là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D.

[2] Về mặt nội dung: Ông Đoàn Văn T yêu cầu bà Sơn Thị D trả số tiền gốc là 6.320.000 đồng. Tiền lãi theo lãi suất 3%/tháng (36%/năm) tính từ ngày 09 tháng 5 năm 2010 đến ngày 28 tháng 9 năm 2021 là 11 năm 04 tháng 19 ngày. Như vậy tiền lãi ông T yêu cầu bà D trả là: 6.320.000 đồng x 3%/tháng x 11 năm 04 tháng 19 ngày = 25.905.680 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 32.225.680 đồng.

[3] Xét thấy việc bà Sơn Thị D mua phân, thuốc bảo vệ thực vật, vật tư nông nghiệp của ông Đoàn Văn T và còn nợ lại số tiền 6.320.000 đồng là có thật được cả ông T và bà D thừa nhận. Bà D cũng đồng ý trả cho ông T số tiền này. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó đối với yêu cầu của ông T yêu cầu bà D trả số tiền gốc 6.320.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về thời gian tính lãi: Ông Đoàn Văn T yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 09 tháng 5 năm 2010 đến ngày xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy theo đơn khởi kiện ông T trình bày ông thỏa thuận với bà D thời gian trả là cuối vụ, nếu trễ thì tính lãi suất 5%/tháng. Theo biên nhận ông T cung cấp thì lần mua sau cùng là ngày 14 tháng 7 năm 2010. Nội dung biên nhận cũng không ghi thời gian trả là ngày nào. Như vậy ông T yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 09 tháng 5 năm 2010 (lần mua đầu tiên) là không phù hợp. Mặt sau biên nhận ông T nộp cho Tòa án có thể hiện ngày 01 tháng 01 năm 2013 bà D cam kết đến tháng 02 trả cho ông T cả vốn lẫn lãi. Phần này không thể hiện vốn, lãi là bao nhiêu nhưng chứng minh được ông T và bà D có thỏa thuận lại về thời gian trả. Vì vậy, thời gian trả cũng như thời gian tính tiền lãi phải xác định từ ngày 01 tháng 02 năm 2013 đến ngày Tòa án xét xử. Do đó Hội đồng xét xử chỉ xem xét tính lãi trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 02 năm 2013 đến ngày xét xử (ngày 28 tháng 9 năm 2021) là 08 năm 07 tháng 27 ngày.

[5] Về số tiền lãi ông Đoàn Văn T yêu cầu bà Sơn Thị D trả, Hội đồng xét xử xét thấy ông T trình bày ông với bà D có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng và cung cấp biên nhận cho Tòa án. Tuy nhiên biên nhận này không có chữ ký của bà D. Đối với mặt sau biên nhận có chữ ký của bà D thì bà D có thừa nhận trả tiền vốn và lãi nhưng không thể hiện tiền lãi là bao nhiêu. Như vậy không có căn cứ chứng minh ông T và bà D thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng. Do đó ông T cho rằng có thỏa thuận lãi suất với bà D là 5%/tháng nhưng ông chỉ yêu cầu tính lãi 3%/tháng là không có căn cứ để chấp nhận. Căn cứ quy định tại Điều 357; Điều 440; Điều 468 thì bà Sơn Thị D phải có nghĩa vụ trả tiền lãi cho ông Đoàn Văn T theo lãi suất 10%/năm.

Như vậy số tiền lãi được xác định như sau: 6.320.000 đồng x 10%/năm x 08 năm 07 tháng 27 ngày = 5.471.417 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi bà D phải trả cho ông T là: 6.320.000 đồng + 5.471.417 đồng = 11.791.417 đồng.

[6] Về án phí: Ông Đoàn Văn T phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Ông T yêu cầu bà D trả tổng số tiền là 32.225.680 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền 11.791.417 đồng. Như vậy ông T phải chịu án phí đối với số tiền không được chấp nhận là 20.434.263 đồng x 5% = 1.021.700 đồng. Bà Sơn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của ông Đoàn Văn T được Tòa án chấp nhận nhưng do bà D là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 440; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn T.

Buộc bà Sơn Thị D trả cho ông Đoàn Văn T số tiền gốc là 6.320.000 đồng, tiền lãi là 5.471.417 đồng. Tổng cộng số tiền bà D phải trả cho ông T là 11.791.417 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Đoàn Văn T phải chịu 1.021.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 725.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0001479 ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh nên ông T phải nộp thêm 296.700 đồng. Bà Sơn Thị D được miễn án phí

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Ông Đoàn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Sơn Thị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Anh Khoa